

a) Khắc phục khó khăn, có nhiều tiến bộ trong đổi mới quản lý kinh tế kỹ thuật và nghiệp vụ, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, hoàn thành xuất sắc kế hoạch, nhiệm vụ được giao.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, chế độ, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

c) Tổ chức tốt đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động.

d) Tổ chức tốt phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa của đơn vị.

Cờ luân lưu của Hội đồng Bộ trưởng được xét hàng năm do thủ trưởng ngành đề nghị, có sự nhất trí của Ủy ban Nhân dân tỉnh sở tại và làm xong trước ngày 1-5 năm sau.

Điều 2. — Việc thưởng cờ của Hội đồng Bộ trưởng cho tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương thực hiện tốt giao ước thi đua, đạt thành tích xuất sắc, dẫn đầu thi đua khu vực vẫn thực hiện theo Quyết định số 245-CT ngày 7-11-1981.

Điều 3. — Số lượng cờ và đối tượng được thưởng cờ luân lưu của Hội đồng Bộ trưởng, cờ của Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương do Trưởng ban Ban Thi đua Trung ương và Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh cùng thỏa thuận đề nghị hàng năm.

Điều 4. — Ngoài 3 loại cờ nói trên và cờ tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, các cơ quan, đơn vị không được tự ý đặt ra các loại cờ khác để thưởng thi đua. Cờ đuôi nheo để thưởng thi đua thôi không dùng nữa.

Điều 5. — Kích thước và chữ đề cho các loại cờ như đã quy định nay chỉ dùng một lớp vải đỏ, in chữ màu vàng, tua dùng sợi màu vàng.

Điều 6. — Trưởng ban Ban Thi đua Trung ương hướng dẫn cụ thể thi hành Quyết định này.

Điều 7. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng các Bộ, Chủ

nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
WỒ CHÍ CÔNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO — VIỆN
KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO —
BỘ TƯ PHÁP**

THÔNG TƯ liên ngành Tòa án nhân dân tối cao — Viện Kiểm sát nhân dân tối cao — Bộ Tư pháp số 6-TT/LN ngày 30-12-1986 hướng dẫn về thẩm quyền và thủ tục giải quyết những việc ly hôn giữa các công dân Việt Nam mà một bên ở nước chưa có Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề hôn nhân và gia đình với nước ta.

Hiện nay có một số việc ly hôn giữa các công dân Việt Nam mà một bên đang ở nước chưa có Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề hôn nhân và gia đình với nước ta. Trong những nước nói trên, có nước đã có quan hệ ngoại giao và có nước chưa có quan hệ ngoại giao với nước ta.

Căn cứ vào Hiến pháp và Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi thống nhất ý

kiến với Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao; Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp ra thông tư hướng dẫn về thẩm quyền và thủ tục giải quyết những việc ly hôn nói trên như sau:

1. Đối với những việc ly hôn nói trên, để bảo vệ quyền lợi chính đáng của đương sự và để người ở ngoài nước thấy rõ thái độ đúng đắn của Nhà nước ta, các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương cần thụ lý và giải quyết, không phân biệt đương sự ở ngoài nước là người đã được Nhà nước ta cho phép xuất cảnh, người di tản hoặc trốn ra nước ngoài.

2. Người Việt Nam ở các nước nói trên xin ly hôn với vợ, chồng ở trong nước có thể đề nghị cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước ta ở nước họ cư trú hoặc ở nước khác chuyển đơn về nước và chứng nhận giấy tờ cần thiết. Họ cũng có thể trực tiếp gửi đơn xin ly hôn cho Bộ Tư pháp hoặc Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án nhân dân địa phương trực tiếp nhận được đơn xin ly hôn loại này của đương sự ở ngoài nước gửi về phải báo cáo ngay cho Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao.

3. Trường hợp một bên đương sự ở nước có quan hệ ngoại giao với nước ta, thì khi điều tra và xét xử vụ kiện, Tòa án có thể ủy thác cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước ta ở nước đó hoặc Tòa án nước sở tại lấy lời khai của đương sự và tổng đạt cho họ những giấy tờ cần thiết như đã được Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn trong Thông tư số 11-TATC ngày 12-7-1974 (xem hệ thống hóa luật lệ tố tụng dân sự, tập 1 trang 198).

Nếu nguyên đơn ở nước chưa có quan hệ ngoại giao với nước ta, nhưng họ đã nhờ cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước ta ở nước khác chuyển đơn về nước, thì Tòa án cũng có thể thông qua cơ quan đại diện đó để chuyển cho đương

sự những giấy tờ của Tòa án hoặc yêu cầu đương sự gửi về Tòa án những lời khai có liên quan đến vụ kiện.

Nếu không có điều kiện liên hệ theo cách nói trên, nhưng đương sự có thân nhân ở trong nước, thì Tòa án có thể yêu cầu thân nhân của họ báo cho đương sự gửi về Tòa án những lời khai hoặc tài liệu cần thiết. Nguyên đơn ở trong nước cũng có thể tự mình hoặc nhờ luật sư của họ liên hệ với bị đơn ở ngoài nước để yêu cầu bị đơn gửi về Tòa án những lời khai hoặc tài liệu cần thiết. Tòa án có thể căn cứ vào những lời khai và tài liệu đó để xét xử nếu đương sự ở trong nước công nhận những lời khai hoặc tài liệu gửi về đúng là của vợ, chồng họ ở ngoài nước.

4. Đối với những việc ly hôn nói trên, Tòa án điều tra, xét xử, không hòa giải. Trước khi xét xử, Tòa án báo cho đương sự biết ngày mở phiên tòa theo cách liên hệ đã nói ở điểm 3 của Thông tư này mà không triệu tập họ về tham gia phiên tòa.

Trong trường hợp không biết địa chỉ của bị đơn hoặc đã lâu không có tin tức của bị đơn, hoặc không liên hệ được với bị đơn ở ngoài nước, thì Tòa án có thể xử cho ly hôn theo thủ tục ly hôn với người giấu địa chỉ hoặc người không có tin tức lâu ngày, đã được Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn trong Thông tư số 3-TATC ngày 3-3-1966 (xem hệ thống hóa luật lệ tố tụng dân sự — tập I, trang 126 — 127).

Trong phiên tòa xử những việc ly hôn nói trên, cần phải có Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tham gia tố tụng.

5. Khi xét xử những việc ly hôn nói trên, Tòa án cần chú ý bảo vệ quyền lợi của người vợ, hoặc chồng và các con của họ ở trong nước. Tài sản của vợ chồng sẽ chia theo những nguyên tắc đã quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình. Trong trường hợp ly hôn nhằm mục đích đưa con ra nước

ngoài hoặc có những vấn đề phức tạp khác thì trước khi xét xử, Tòa án cần trao đổi với Viện Kiểm sát và các cơ quan hữu quan khác.

Tòa án phải tổng đạt bản sao án cho đương sự ở ngoài nước theo cách thức liên hệ đã nói ở điểm 3 của Thông tư này để họ có thể sử dụng quyền kháng cáo theo pháp luật.

6. Trường hợp cần liên hệ với cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước ta ở ngoài nước, Tòa án nhân dân địa phương phải gửi văn bản về Tòa án nhân dân tối cao để chuyển cho Bộ Tư pháp; Bộ Tư pháp sẽ chuyển cho Bộ Ngoại giao.

7. Đối với loại việc này, ngoài án phí thông thường, các đương sự ở trong và ngoài nước còn phải thanh toán các khoản cước phí bưu điện mà Tòa án đã thực chi để gửi ra ngoài nước các tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ kiện. Do đó, nguyên đơn ở trong nước hoặc ở ngoài nước, ngoài việc phải tạm nộp án phí thông thường, còn phải ứng cả tiền cước phí bưu điện do Tòa án quyết định căn cứ vào giá cước đối với từng nước và tính chất vụ kiện đơn giản hay phức tạp. Khi xét xử, tòa án sẽ tính cụ thể tiền án phí.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc gì, các tỉnh, thành cần báo cáo xin ý kiến của các ngành cấp trên.

K.T. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Phó Viện trưởng

NGUYỄN LƯU

K.T. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
Phó Chánh án

NGUYỄN THỊ NGỌC KHANH

K.T. Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Thứ trưởng

PHÙNG VĂN TỬU

BỘ VĂN HÓA - TỔNG CỤC HẢI QUAN

THÔNG TƯ liên Bộ Văn hóa -
Tổng cục Hải quan số 45-TTLB/
VH/HQ ngày 12-1-1987 hướng
dẫn thi hành Chỉ thị số 339-CT
ngày 22-10-1985 của Chủ tịch
Hội đồng Bộ trưởng về việc
quản lý và sử dụng máy và
băng ghi hình.

Trong những năm gần đây, việc xuất nhập khẩu máy và băng ghi hình qua đường phi mậu dịch ngày càng nhiều. Nhiều trường hợp chưa tuân thủ đúng các quy tắc của Nhà nước. Một số ngành ở Trung ương và địa phương, cũng như một số cá nhân đã sử dụng tùy tiện hoặc mua bán lén lút để hưởng chênh lệch giá máy và băng ghi hình nhập trái phép từ nước ngoài. Tình hình trên đã gây nhiều hậu quả xấu về kinh tế, chính trị, tư tưởng.

Thi hành Chỉ thị số 339-CT ngày 22-10-1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc quản lý và sử dụng máy và băng ghi hình; Thông tư số 89-VH ngày 14-4-1986 của Bộ Văn hóa hướng dẫn thi hành Chỉ thị số 339-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; căn cứ Chỉ thị số 229-CT ngày 20-8-1984 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thống nhất quản lý việc xuất, nhập khẩu nguyên chiếc các loại hàng điện tử dân dụng và Chỉ thị số 81-TCHQ/PC ngày 4-3-1985 của Tổng cục Hải quan quy định về điều kiện xuất khẩu các loại máy thu thanh và máy ghi âm, liên Bộ Văn hóa - Tổng cục Hải quan quy định dưới đây nguyên tắc và thủ tục xuất nhập khẩu máy và băng ghi hình qua đường phi mậu dịch để các cấp thuộc ngành Văn hóa và ngành Hải quan, các cơ quan, đoàn thể (kể cả các cơ quan nước ngoài) ở Trung ương và địa phương, các cá nhân (kể cả người nước ngoài) có liên quan thực hiện.